

Mối quan hệ biện chứng giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn-nhìn từ góc độ phương pháp luận

NGUYỄN THỊ TỔ QUYÊN

Mối quan hệ giữa nông nghiệp-nông dân-nông thôn được coi là có ảnh hưởng quyết định đến tiến trình phát triển nông nghiệp và nông thôn. Mối quan hệ biện chứng này được xem xét và thể hiện ra như một cấu trúc-hệ thống gắn với quan điểm phát triển toàn diện, thể hiện tính độc lập tương đối trong quan điểm lịch sử cụ thể, khách quan. Đặc biệt, mối quan hệ giữa nông nghiệp-nông dân-nông thôn phụ thuộc quyết định vào mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất như một quy luật khách quan của sự phát triển xã hội. Vì thế, giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn ở Việt Nam, trọng tâm vẫn là giải quyết đồng thời và hài hòa mối quan hệ giữa ba yếu tố cấu thành nên một chỉnh thể thống nhất này, trong đó tập trung giải quyết mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn.

Nông nghiệp, nông dân và nông thôn là ba vấn đề tuy khác nhau, nhưng có mối quan hệ mật thiết với nhau. Trong tiến trình phát triển nông nghiệp, nông thôn của các nước trên thế giới, nông nghiệp, nông dân, nông thôn luôn là chủ đề chính được đề cập. Mối quan hệ giữa nông nghiệp-nông dân-nông thôn được coi là có ảnh hưởng quyết định đến tiến trình phát triển nông nghiệp và nông thôn. Do đó, nếu những vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn không cùng được giải quyết một cách đồng bộ, thì mục tiêu của nền kinh tế là công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước khó có thể đi tới thành công.

Không thể phủ nhận nông nghiệp, nông dân và nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chúng là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế-xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước. Quan điểm hết sức cơ bản đó của Đảng ta trong nghị quyết 26-NQ/TƯ được thông qua tại Hội nghị lần thứ bảy của

Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã đặt ra cho các nhà nghiên cứu nông nghiệp, nông thôn và nông dân ở nước ta không chỉ về phạm vi rộng lớn của vấn đề, mà còn cả về phương pháp luận của vấn đề này.

1. Mối quan hệ nông nghiệp, nông thôn và nông dân được coi như một cấu trúc hệ thống

Có thể thấy, bản thân các yếu tố cấu thành nông nghiệp, nông dân, nông thôn luôn có quan hệ với nhau như một cấu trúc hệ thống, không thể có sự tồn tại tách biệt, độc lập hoàn toàn của một yếu tố nào khỏi các yếu tố còn lại. Liệu có còn là khái niệm "nông thôn" khi nó không chỉ rõ được đây là một không gian, một địa bàn trong đó tồn tại một cộng đồng người (chủ yếu là nông dân) đang tiến hành hoạt động sống cơ bản là sản xuất nông nghiệp? Nói đến nông nghiệp thì cũng có nghĩa nói đến quá trình nông dân tiến hành hoạt động sản xuất trên địa bàn nông thôn của mình để tạo ra sản phẩm lương thực, thực phẩm nuôi sống xã

Nguyễn Thị Tổ Quyên, TS., Viện Kinh tế Việt Nam.

hội. Có thể thấy, nông nghiệp là chức năng tự nhiên của nông thôn. Khái niệm "nông dân" cũng tương tự như vậy. Điều này, trước hết đã nói rõ phần nào ý nghĩa của phương pháp cấu trúc-hệ thống trong nghiên cứu mối quan hệ biện chứng giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

Dưới góc độ lý thuyết, chúng ta phải nhìn nhận nông nghiệp, nông thôn và nông dân như một cấu trúc hệ thống, trong đó mỗi yếu tố cấu thành đều có vị trí, vai trò, chức năng riêng (chủ yếu hay thứ yếu, cơ bản hay không cơ bản với những mức độ khác nhau), nhưng lại luôn tồn tại trong mối liên hệ tương tác hết sức hữu cơ với tất cả các yếu tố trong hệ thống. Đồng thời, khi tách tương đối một yếu tố nào đó trong hệ thống để xem xét, nghiên cứu thì bản thân yếu tố đó lại trở thành một tiểu hệ thống cấu trúc mới. Tuy nhiên, cần đặc biệt lưu ý quan điểm của Mác cho rằng: sức mạnh của hệ thống sẽ thay đổi về chất khi có sự liên hệ tương tác biện chứng của các yếu tố trong hệ thống. Nói cách khác, khi các yếu tố được cấu thành khách quan một hệ thống nào đó thì sức mạnh của hệ thống không phải là con số cộng sức mạnh của các yếu tố riêng rẽ mà sẽ được nhân lên nhiều lần.

Trong sự vận động, phát triển của sự vật và hiện tượng, không phải chỉ có một hệ thống, mà là tổng hòa những hệ thống. Do đó, phương pháp cấu trúc-hệ thống đòi hỏi khi nghiên cứu lý luận cũng như hoạt động thực tiễn phải biết luôn đặt hệ thống này trong mối liên hệ hữu cơ với những hệ thống khác. Phương pháp trên có ý nghĩa quan trọng cho việc nghiên cứu nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở Việt Nam như một chỉnh thể.

Quan điểm của Đảng trong nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn nói trên là sự thể hiện cả về lý luận và thực tiễn phương pháp luận cấu trúc-hệ thống khi khẳng định vấn đề này phải được giải quyết đồng bộ gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong đó công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp,

nông thôn là nhiệm vụ hàng đầu. Đồng thời vị trí, chức năng của mỗi yếu tố cấu thành hệ thống "tam nông" cũng được xác định rõ. Đó là, trong mối quan hệ mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn thì nông dân là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo qui hoạch là căn bản; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp là then chốt.

Quan điểm khoa học và thực tiễn trên đã phần nào giải quyết được những khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong nghiên cứu vấn đề "tam nông" khi chưa tiếp cận đúng phương pháp cấu trúc-hệ thống. Chẳng hạn, sự tồn tại những quan điểm: tách rời quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn khỏi quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là giải quyết vấn đề "tam nông" bắt đầu từ công nghiệp hóa, hiện đại hóa khu vực thành thị để nhanh chóng đưa nông nghiệp, nông thôn, nông dân ra khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu; không gắn phát triển nông nghiệp với phát triển kinh tế nông thôn và đời sống nông dân. Tất cả những điều này đã làm khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn ngày càng doãng ra, gia tăng sự bất bình đẳng, không công bằng giữa nông dân và các tầng lớp xã hội khác.

Phương pháp cấu trúc-hệ thống cũng yêu cầu: cùng với việc xác định vị trí, chức năng của các yếu tố cấu thành hệ thống, còn phải xác định những điều kiện để thực hiện được vị trí, chức năng này cả trên lý thuyết và thực tiễn. Có thể thấy, trong giai đoạn hiện nay, khi đã xác định nông nghiệp, nông thôn, nông dân có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thì đi liền với nó là phải tạo lập một hệ thống chính sách phù hợp; không chỉ xác định vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng và phát

triển nông thôn mới, hay phát triển "tam nông" nói chung, khi mà những nông dân cần đất, có khả năng phát triển sản xuất nông nghiệp lại đang bị mất dần đi tư liệu sản xuất cơ bản là ruộng đất. Hơn nữa, không chỉ đặt vị trí chủ thể của nông dân trong mối quan hệ "tam nông", mà còn phải xem nông dân như một chủ thể của cả quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cũng như xây dựng, phát triển đất nước nói chung. Từ đó mới có thể có những chính sách sàng lọc thực sự để thúc đẩy nông dân trở thành một tầng lớp có năng lực thích ứng với nền kinh tế thị trường và xã hội hiện đại, giúp họ đứng vững trong khối liên minh công nhân-nông dân-trí thức.

Để thực hiện vai trò chủ thể nói trên của nông dân, thì chỉ riêng vấn đề đào tạo đối với nông dân cũng cần phải đặt ra như một chiến lược được tính toán hết sức công phu, khoa học và phù hợp với bối cảnh thực tiễn. Hiện tại cũng như tương lai, người nông dân phải được giáo dục để có tư duy và phong cách làm ăn theo lối công nghiệp, có vốn tri thức hiểu biết khoa học sâu và rộng về lĩnh vực sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp, tiến tới trở thành những nhà kinh doanh trong nông nghiệp, những chủ trang trại hay công nhân nông nghiệp. Cách thức đào tạo như thế nào? Đây là một vấn đề không giản đơn, giải quyết những vấn đề cụ thể lại càng rất phức tạp. Chẳng hạn, hiện nay yêu cầu "ly nông" là một yêu cầu có tính khách quan trước đòi hỏi của công nghiệp hóa. Bởi vì, một xã hội công nghiệp phát triển tất yếu đòi hỏi phải có sự dịch chuyển một số lượng lao động đông đảo từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ hay các ngành nghề khác, cũng như tỷ trọng GDP nông nghiệp trong nền kinh tế phải có xu hướng ngày càng giảm so với các ngành sản xuất khác. Tuy nhiên, trong khi đó xã hội lại không thể thiếu ăn, hơn nữa ăn lại phải ở trình độ văn hóa cao. Như vậy, vấn đề phương thức sản xuất trong nông nghiệp, dịch chuyển lao động nông nghiệp sang các

ngành khác, "ly nông"... ra sao? Cần phải có hàng loạt chính sách giải quyết.

2. Mối quan hệ nông nghiệp, nông thôn và nông dân thể hiện ở quan điểm toàn diện, hệ thống, gắn với quan điểm lịch sử, cụ thể và thể hiện "tính độc lập" tương đối giữa chúng

Trong phạm vi giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa nông nghiệp-nông dân-nông thôn, phương pháp luận cấu trúc-hệ thống có quan hệ mật thiết với phương pháp luận toàn diện, phát triển và trong điều kiện lịch sử cụ thể. Tuy nhiên, khi vận dụng quan điểm toàn diện, hệ thống trong việc giải quyết những vấn đề thực tiễn về tam nông, chúng ta luôn nhớ rằng: dù trong thực tiễn có thể rất khó thực hiện được quan điểm toàn diện là xem xét hết mọi mặt, mọi yếu tố, mọi khía cạnh cũng như giải quyết tất cả các mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng, song quan điểm này vẫn là cần thiết để tránh phạm sai lầm phiến diện, siêu hình, xơ cứng trong tư duy cũng như trong hành động. Điều này có ý nghĩa quan trọng về mặt phương pháp luận giúp nghiên cứu và giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn ở Việt Nam trong mối liên hệ giữa chúng với nhau.

Có thể thấy, các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn được đề ra trong Nghị quyết 26/TƯ khá toàn diện, nhưng có thể có một số mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp không thực hiện được, kể cả đến năm 2020, cho dù luôn có sự điều chỉnh cần thiết. Bởi vì cuộc sống thực tiễn luôn vận động, mà sự vận động thì không bao giờ đơn giản, cái cũ mất đi, cái mới nảy sinh, mâu thuẫn này được giải quyết thì mâu thuẫn khác xuất hiện. Ngoài ra, trong quá trình vận động, phát triển còn có thể gặp nhiều điều ngẫu nhiên, rủi ro (cả về tự nhiên và như xã hội) ngoài dự kiến. Đặc biệt, quá trình vận động và phát triển nông nghiệp, nông thôn thường gắn nhiều hơn với những rủi ro tự nhiên (khí hậu,

thiên tai,...). Khi những rủi ro này tác động đến cuộc sống nông thôn lại làm xuất hiện những vấn đề xã hội phức tạp, đòi hỏi hàng loạt chính sách để giải quyết. Do vậy, khi xây dựng đường lối phát triển nông nghiệp, nông thôn nhằm giải quyết vấn đề “tam nông”, đặc biệt khi thực thi phải luôn tính đến yếu tố phức tạp (rủi ro, ngẫu nhiên,...) trong quá trình phát triển, dù không thể chi tiết, cụ thể thì cũng phải trên những nét chủ yếu nhất, cơ bản nhất để thu hẹp khoảng cách giữa đường lối, chính sách và thực tiễn cuộc sống.

Những hạn chế trong một số dự báo phát triển nông nghiệp nước ta thời gian qua đã để lại những bài học kinh nghiệm cần được tổng kết. Chẳng hạn, do dự báo thiếu chính xác về tình hình sản xuất lúa gạo thế giới và trong nước, cũng như chưa có sự tính toán đầy đủ đến quá trình vận động thực tiễn cụ thể của chính sách an ninh lương thực, thiếu thông tin về sản lượng lúa gạo trong nước, nên khi thấy thế giới sốt lúa gạo thì một số cơ quan quản lý lương thực cho ngừng một cách cơ học việc xuất khẩu gạo để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, dẫn đến gây thiệt hại cho hàng triệu nông dân. Về vấn đề này, một số chuyên gia nông nghiệp Việt Nam cho rằng, cần phải học kinh nghiệm một số nước trồng lúa lớn như Thái Lan, đó là phải có một cơ quan (có trách nhiệm trước Nhà nước và nông dân) thu mua, dự trữ lúa gạo sao cho việc đảm bảo an ninh lương thực quốc gia không cản trở hoạt động xuất khẩu lương thực, nhằm bảo vệ lợi ích của nông dân cũng như sản xuất nông nghiệp.

Quan điểm toàn diện, phát triển trong phương pháp luận cấu trúc - hệ thống để xem xét mối quan hệ giữa nông nghiệp, nông thôn, nông dân còn được gắn kết hữu cơ với quan điểm lịch sử-cụ thể và khách quan. Ở đây chúng ta chỉ muốn nói về một khía cạnh của quan điểm lịch sử-cụ thể, đó là “tính tương đối” khi đề cập đến nó. Chúng ta không nên đứng trên quan điểm của “chủ

nghĩa” tương đối để nhìn nhận, xem xét quá trình vận động phát triển của sự vật, hiện tượng, vì chủ nghĩa này luôn gắn với chủ nghĩa hoài nghi. Nhưng chúng ta không bao giờ bỏ qua tính tương đối (mà ở đây là tính “đứng im tương đối”), trong sự vận động và phát triển. Không thấy được tính chất đó thì chúng ta khó có thể có được những quyết sách về chiến lược phát triển của quốc gia. Chẳng hạn, có ý kiến cho rằng, chúng ta khó có thể thực hiện được mục tiêu “nông dân được đào tạo có trình độ sản xuất ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực,...” trong hệ thống những mục tiêu tổng quát của Nghị quyết trung ương 7, khóa X của Đảng về nông nghiệp, nông dân và nông thôn, bởi vì trong khi Việt Nam tiến lên thì các nước họ cũng không đứng lại. Tuy nhiên mục tiêu này trên thực tiễn hoàn toàn có thể khả thi, vì khi các nước trong khu vực đang tiếp tục thực hiện chiến lược hàng chục năm phát triển nông nghiệp, thì Việt Nam có thể cố gắng đi tắt, đón đầu, nhanh chóng ứng dụng công nghệ tiên tiến, đẩy mạnh quá trình tăng trưởng kinh tế nói chung và kinh tế nông nghiệp, nông thôn nói riêng, nhất là phải tổ chức lại nền sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại. Tất nhiên, khi chúng ta nói đến sự “ngang bằng” có nghĩa là nói trong những phạm vi lĩnh vực, thời gian, không gian cụ thể nhất định.

Ba yếu tố cấu thành chỉnh thể tam nông có mối liên hệ chặt chẽ, hữu cơ, biện chứng, không thể tách rời nhau. Chẳng hạn, khi nói đến nông nghiệp thì cũng có nghĩa nói đến quá trình nông dân tiến hành hoạt động sản xuất trên địa bàn nông thôn của mình để tạo ra sản phẩm lương thực, thực phẩm nuôi sống xã hội. Khi nói đến nông dân và nông thôn thì cũng tương tự như vậy. Mối quan hệ không tách rời này, không phải do ý muốn chủ quan tạo ra, mà xuất phát từ bản chất khách quan vốn có của mỗi yếu tố cấu thành chỉnh thể tam nông, là kết quả của sự vận động tất yếu các yếu tố cấu thành đó. Người nông dân mặc dù là chủ thể trong mối quan hệ này, thì họ cũng không thể tạo ra

nó chỉ theo ý muốn hay lợi ích chủ quan của mình. Ở đây, họ thực hiện vai trò tất yếu là động lực thúc đẩy sự phát triển mối quan hệ ấy và họ cũng sẽ là người đầu tiên được hưởng thụ những thành quả do sự phát triển nông nghiệp, nông thôn đem lại. Trên ý nghĩa đó, có thể nói, trong mối quan hệ biện chứng giữa nông nghiệp-nông dân-nông thôn, thì nông dân vừa là động lực trực tiếp (vì mọi sự vận động phát triển của mối quan hệ này trước hết do người nông dân tiến hành theo yêu cầu khách quan của phát triển), vừa là mục tiêu của sự phát triển mối quan hệ đó.

Bên cạnh đó, khi nói đến tính hữu cơ khăng khít giữa nông nghiệp, nông dân, nông thôn, chúng ta không nên phủ nhận tính độc lập tương đối của chúng, nhất là trong sự vận động thực tiễn. Trong nhận thức và giải quyết vấn đề tam nông ở Việt Nam, chúng ta hoàn toàn có thể và cần thiết tách riêng mỗi yếu tố tùy thuộc vào yêu cầu khách quan của thực tiễn. Chẳng hạn, trong thời kỳ chiến tranh giành độc lập dân tộc, chúng ta phải tập trung cao độ sức người, sức của cho cuộc chiến tranh. Nông nghiệp và nông dân lúc đó có sự đóng góp to lớn cho nền độc lập nước nhà. Người nông dân đã chịu bao hy sinh về người và của cho việc giành độc lập. Giai cấp nông dân cũng như công nhân và tầng lớp khác trong xã hội chưa thể nói nhiều đến lợi ích của mình. Tổ quốc, độc lập dân tộc khi đó là trên hết. Quan hệ trong sản xuất nông nghiệp lúc đó cũng được tạo ra theo yêu cầu của cuộc kháng chiến, chứ chưa phải do đòi hỏi khách quan của sự phát triển lực lượng sản xuất. Tuy nhiên, sau chiến tranh, chúng ta đã không đặt đúng mức vấn đề lợi ích người nông dân trong mối quan hệ tam nông, kéo dài sự hy sinh (về mặt lợi ích) không đáng có của họ, làm triệt tiêu động lực phát triển nông nghiệp, nông thôn.

3. Mối quan hệ nông nghiệp, nông thôn và nông dân thể hiện ở qui luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất, trình độ của lực lượng sản xuất

Mối quan hệ biện chứng giữa nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn được qui định bởi qui luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Một khía cạnh quan trọng của qui luật này trong mối quan hệ biện chứng giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn, đó là sự vận động phức tạp của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong nông nghiệp hiện nay. Sự phát triển của các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất rất không đồng đều. Yêu cầu phát triển công nghiệp và đô thị đã thu hẹp dần ruộng đất- một phần tư liệu sản xuất cơ bản nhất trong nông nghiệp, làm gia tăng nhanh chóng về mặt số lượng của bộ phận cấu thành cơ bản, quyết định nhất của lực lượng sản xuất, đó là những người lao động nông nghiệp. Lực lượng lao động này không được đào tạo cơ bản theo cùng với sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ tiên tiến. Như vậy, giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam, việc đảm bảo mối quan hệ khăng khít, đồng bộ giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn, Nhà nước phải nhanh chóng có những chủ trương, chính sách xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn trên cả ba mối quan hệ bộ phận, đặc biệt quan hệ sở hữu đất đai trong nông nghiệp (vì đất canh tác- một loại tư liệu sản xuất đặc biệt trong nông nghiệp hiện đang là vấn đề nóng) và quan hệ tổ chức hoạt động sản xuất, đào tạo và sử dụng lực lượng lao động nông nghiệp đông đảo và có phần “dư thừa” hiện nay. Đây là vấn đề không chỉ mang ý nghĩa kinh tế-xã hội, mà còn là vấn đề chính trị. Giải quyết tốt hai mối quan hệ bộ phận trên thì quan hệ phân phối sản phẩm sẽ được giải quyết dễ dàng bởi vì nền kinh tế thị trường sẽ góp phần điều chỉnh mối quan hệ này.

Một bài học sinh động, đắt giá và cũng là một minh chứng cho tính hữu cơ, khăng khít không tách rời giữa nông nghiệp-nông dân- nông thôn, đó là việc tổ chức sản xuất nông nghiệp của người nông dân xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Chỉ nhờ nuôi tôm mà trong một thời gian ngắn,

đời sống nông dân ở đây giàu lên nhanh chóng. Nông thôn Phước Hòa được ví như là một Hồng Kông bên hông Quy Nhơn với nhà lầu, xe hơi, tiện nghi đắt tiền, đường làng ngập ngựa được dân làng lên kế hoạch bê tông hóa toàn bộ. Nhưng do người nông dân và cán bộ địa phương thiếu hiểu biết, kém năng lực về tổ chức sản xuất, làm ăn tự phát, thiếu sự hỗ trợ của các nhà khoa học nên chỉ một thời gian, sản xuất tôm nơi đây không còn phát triển, đời sống nông dân lại rơi vào cảnh nghèo khó thảm thương, nông thôn tiêu điều và được mệnh danh là làng có nhiều “chúa chổm” nhất Việt Nam (Báo An ninh Thế giới ngày 20-6-2009).

Như vậy, có thể nói, mối quan hệ giữa nông nghiệp-nông dân-nông thôn trong sự phát triển phụ thuộc quyết định vào mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất như một qui luật khách quan của sự phát triển xã hội. Đây cũng chính là một nguyên tắc quan trọng để chúng ta tổ chức lại mô hình sản xuất nông nghiệp, xây dựng mô hình nông thôn và nhận diện người nông dân trong tương lai sao cho phù hợp với điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và nông nghiệp, nông thôn trong bối cảnh mới. Nông dân-lực lượng sản xuất quan trọng trong nông nghiệp, mất đi tư liệu sản xuất cơ bản (đất canh tác) ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, trong tương lai, đất canh tác vẫn có thể tiếp tục bị thu hẹp ở mức cần thiết để ưu tiên cho sản xuất công nghiệp, để rồi đến một lúc nào đó, nó tác động trở lại sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn. Số lượng nông dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp cũng không nhất thiết phải ngày càng đông đảo, bộ phận nông dân cũng cần có sự thay đổi về chất, làm sao cho lao động nông dân ngày càng chứa nhiều hàm lượng trí tuệ.

Như vậy, sự tác động biện chứng giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn hiện nay không chỉ đơn thuần là sự tác động của những mối quan hệ kinh tế. Một khi quan

hệ sản xuất nông nghiệp phát triển, thay đổi (cả về quan hệ sở hữu, tổ chức lao động và phân phối sản phẩm) sẽ đòi hỏi người nông dân (lực lượng sản xuất cơ bản nhất trong nông nghiệp) không chỉ thay đổi về sức lực, cơ bắp hay một số kinh nghiệm sản xuất thông thường, mà còn phải thay đổi căn bản đời sống vật chất, văn hóa tinh thần và đặc biệt bản thân họ phải chứa đựng hàm lượng khoa học trí tuệ cao. Đồng thời theo đó, các thiết chế chính trị, xã hội ở nông thôn cũng phải thay đổi căn bản về phương thức hoạt động, sao cho phù hợp với sự phát triển mới.

Tóm lại, mối quan hệ biện chứng giữa nông nghiệp-nông dân-nông thôn được xem xét và thể hiện ra như một cấu trúc-hệ thống gắn với quan điểm phát triển toàn diện, thể hiện tính độc lập tương đối trong quan điểm lịch sử-cụ thể và đặc biệt là thể hiện ở qui luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Mối quan hệ giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn phụ thuộc rất nhiều vào mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Vì thế, giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn ở Việt Nam, trọng tâm vẫn là giải quyết đồng thời và hài hòa mối quan hệ giữa ba yếu tố cấu thành nên một chỉnh thể thống nhất này, trong đó tập trung giải quyết mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bolt, R. (2004) “Accelerating agriculture and rural development for inclusive growth: policy implications for developing Asia”. ERD Policy Brief No 29. ADB.
2. Báo An ninh Thế giới ngày 20-6-2009.
3. Nemes, G. (2005) “The politics of rural development in Europe”. *Discussion papers 2005/5*. Institution of Economics Hungarian Academy of Science, Budapest.
4. Nguyễn Ngọc Quế, Nguyễn Đỗ Anh Tuấn et al., “Nguyên nhân làm giảm tốc độ tăng trưởng GDP nông nghiệp trong thời gian vừa qua và đề xuất các giải pháp cải thiện”. Hội thảo ngày 19-4-2007, Ipsard-CAP.
5. Nghị quyết số 26 NQ/TƯ 7 về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn”.